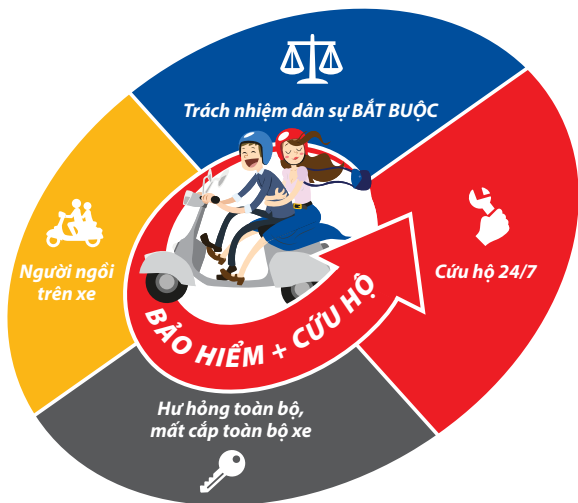


GIC *easy*

CẨM NANG GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY



Dịch vụ của  **BẢO HIỂM TOÀN CẦU**
www.gic.com.vn



Tổng đài cứu hộ: **1900 969612**
Tổng đài bảo hiểm: **1900 6486**

CÁC THÔNG TIN TRONG CẨM NANG

1	AI LÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY?	4
2	ĐIỀU KIỆN THAM GIA GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY?	4
3	PHẠM VI ĐỊA LÝ MÀ DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY BAO PHỦ?	4
4	QUYỀN LỢI CỦA TÔI KHI THAM GIA GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY?	5
5	CÓ BẤT KỲ ĐIỂM LOẠI TRỪ NÀO KHÔNG?	8
6	TÔI SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỨU HỘ NHƯ THẾ NÀO?	9
7	TÔI THỰC HIỆN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM NHƯ THẾ NÀO?	10
8	CÁC ĐỊNH NGHĨA MÀ TÔI CẦN BIẾT?	11
9	BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT	13
10	MẪU GIẤY THÔNG BÁO TAI NẠN VÀ YÊU CẦU TRẢ TIỀN BẢO HIỂM	21

CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI GIC!

Cảm ơn Bạn đã tin tưởng chọn tham gia Gói Dịch vụ GIC EASY XE MÁY của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC).

Để chúng tôi có thể phục vụ Bạn một cách tốt nhất, xin lưu ý:

1. Trường hợp Bạn đăng ký dịch vụ thông qua thẻ cào, gói dịch vụ chỉ có hiệu lực sau 24 tiếng kể từ lúc Bạn kích hoạt thẻ cào thành công với Tổng đài Tư vấn (miễn phí) **1800 6786** hoặc tại **www.gic.com.vn** trước Hạn kích hoạt in trên thẻ.
2. Bạn sẽ nhận được thông báo bằng tin nhắn SMS sau khi kích hoạt thẻ hoặc đăng ký trực tuyến thành công. Chúng tôi sẽ gửi Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử qua SMS và Email hoặc gửi Giấy chứng nhận bảo hiểm bản cứng (áp dụng với Gói Basic, Junior, 20, 40, 70 trong trường hợp không có Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử) qua đường bưu điện đến địa chỉ bạn đăng ký trong **07 ngày làm việc**.
3. Luôn mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm Bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (bản cứng hoặc bản điện tử) để xuất trình cơ quan chức năng khi được yêu cầu.
4. Khi có các thắc mắc liên quan đến dịch vụ, Bạn vui lòng liên hệ Tổng đài Tư vấn **1800 6786** hoặc gửi thư điện tử về địa chỉ **chamsockhachhang@gic.com.vn** để được hướng dẫn.

GIC chúc Bạn luôn có những hành trình an toàn!

VUI LÒNG LƯU LẠI THÔNG TIN ĐƠN BẢO HIỂM ĐỂ TIỆN TRA CỨU

(Cẩm nang này không có giá trị bảo hiểm)

Biển số xe:

Số Hợp đồng:

Hiệu lực từ:

Hiệu lực đến:

1 AI LÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY?

Chương trình bảo hiểm này được thực hiện bởi **Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu ("GIC")**.

Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu (GIC) hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 37/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19/06/2006.

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.3929.3555 **Fax:** 028.3929.3666

Website: www.gic.com.vn

2 ĐIỀU KIỆN THAM GIA GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY?

GIC EASY XE MÁY là sản phẩm bảo hiểm dành cho các loại mô tô, xe máy đáp ứng điều kiện sau:

ĐIỀU KIỆN THAM GIA	GÓI 20, 20 LIGHT GÓI 40, 40 LIGHT GÓI 70, 70 LIGHT	GÓI BASIC	GÓI JUNIOR
Dung tích động cơ	Trên 50cc đến dưới 175cc	Dưới 175cc	Từ 50cc trở xuống
Đăng ký hợp lệ	Có	Có	Có
Năm sử dụng	Dưới 15 năm	Không áp dụng	Dưới 15 năm

3 PHẠM VI ĐỊA LÝ MÀ DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY BAO PHỦ?

GIC EASY XE MÁY bảo hiểm cho các rủi ro xảy ra bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Dịch vụ cứu hộ xe máy 24/7 miễn phí được triển khai tại các Tỉnh/Thành phố sau (tính đến Tháng 12/2024, cập nhật tại www.gic.com.vn):

- MIỄN BẮC:** Hà Nội, Vĩnh Phúc (Khu vực trung tâm), Lào Cai, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh (Hạ Long), Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Ninh Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Nguyên (Thành phố), Yên Bái, Lạng Sơn, Phú Thọ, Tuyên Quang.
- MIỄN TRUNG:** Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hà Tĩnh (Thành phố), Bình Định.
- MIỄN TÂY:** An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.
- MIỄN NAM:** Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh.
- MIỄN ĐÔNG:** Kon Tum, Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông.
- Lưu ý:** phạm vi cứu hộ sẽ không bao gồm các khu vực biển/đảo, các đoạn đường cấm, hoặc giờ cấm tải theo quy định của Luật giao thông.

4 QUYỀN LỢI CỦA TÔI KHI THAM GIA GÓI DỊCH VỤ GIC EASY XE MÁY?

GÓI DỊCH VỤ THAM GIA	A. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới	B. Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy (x 2 người)	C. Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ mô tô, xe máy	D. Cứu hộ miễn phí 24/7
GÓI BASIC	Bao gồm	40.000.000	x	x
GÓI JUNIOR	Bao gồm	40.000.000	15.000.000	x
GÓI 20	Bao gồm	40.000.000	20.000.000	Bao gồm
GÓI 20 LIGHT	x	40.000.000	20.000.000	Bao gồm
GÓI 40	Bao gồm	40.000.000	40.000.000	Bao gồm
GÓI 40 LIGHT	x	40.000.000	40.000.000	Bao gồm
GÓI 70	Bao gồm	40.000.000	70.000.000	Bao gồm
GÓI 70 LIGHT	x	40.000.000	70.000.000	Bao gồm

(Đơn vị: đồng)

A. Bảo hiểm bắt buộc Trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới:

Phạm vi bảo hiểm: GIC hỗ trợ đền bù các thiệt hại về người và của mà xe gây ra cho người khác (bên thứ ba) khi tham gia giao thông.

Mức chi trả:

- Thiệt hại về thân thể, tính mạng đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra: chi trả theo % mức độ thương tật và mức độ lỗi của chủ xe, tối đa **150.000.000 đồng/người/vụ**.
- Thiệt hại về tài sản đối với bên thứ ba: chi trả theo thiệt hại thực tế và mức độ lỗi của chủ xe, tối đa **50.000.000 đồng/vụ**.

Quy tắc bảo hiểm áp dụng: Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ quy định về Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

B. Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy:

Phạm vi bảo hiểm: GIC chi trả bảo hiểm cho lái xe và người khác được chở trên xe bị tử vong, thương tật vĩnh viễn, thương tật tạm thời do tai nạn trong khi: xe đang hoạt động; đang lên xuống xe, qua phà, qua đò, qua cầu.

Mức chi trả:

- Trường hợp tử vong: **40.000.000 đồng**.
- Trường hợp thương tật vĩnh viễn: **40.000.000 đồng x % thương tật** quy định trong Bảng tỷ lệ thương tật do GIC ban hành.
- Trường hợp thương tật tạm thời: theo chi phí y tế thực tế, hợp lý và trợ cấp 40.000 VNĐ/ngày điều trị (tối đa 180 ngày). Tổng chi trả không vượt quá 40.000.000 đồng x % thương tật quy định trong Bảng tỷ lệ thương tật do GIC ban hành.
- Nếu số người trên xe vượt quá 02 người thì GIC sẽ chi trả theo tỷ lệ 02/Số người thực tế trên xe. Riêng trẻ em dưới 7 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi. Lái xe không có giấy phép lái xe bị giảm 50% quyền lợi.

Quy tắc bảo hiểm áp dụng: Quy tắc bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe máy ban hành theo quyết định số 2046/2016/QĐ-GIC-XCG ngày 05/12/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu.

C. Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ xe mô tô, xe máy:

Phạm vi bảo hiểm:

1. Xe bị tổn thất toàn bộ (thực tế hoặc ước tính) do các nguyên nhân trực tiếp sau:
 - ✓ Tai nạn bất ngờ và ngoài sự kiểm soát của Chủ xe, bao gồm: đâm va, lật đổ, vật thể từ bên ngoài tác động lên xe mô tô, xe máy.
 - ✓ Hỏa hoạn, cháy nổ.
 - ✓ Xe mô tô, xe máy bị tổn thất do các nguyên nhân bất khả kháng do thiên nhiên, bao gồm: Bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.
2. Mất cắp toàn bộ xe tại nhà hoặc tại điểm trông giữ xe và không tìm lại được sau 60 ngày, có xác nhận của cơ quan công an. Trong đó:
 - ✓ Mất cắp toàn bộ xe tại nhà nghĩa là toàn bộ xe mô tô, xe máy bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào nhà hoặc nơi cư trú, có thực hiện các hành vi cạy phá và/hoặc tấn công bằng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe mô tô, xe máy.
 - ✓ Mất cắp toàn bộ xe tại điểm trông giữ xe nghĩa là toàn bộ xe mô tô, xe máy bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào điểm trông giữ xe nơi xe mô tô, xe máy đang được trông giữ, hoặc thực hiện các hành vi lừa đảo người trông giữ xe hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe mô tô, xe máy.
 - ✓ Điểm trông giữ xe là các điểm trông giữ xe của toà nhà, bãi giữ xe công cộng có giấy phép trông giữ xe, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và có phát phiếu giữ xe hoặc thẻ giữ xe.
3. Mất cướp toàn bộ xe và không tìm lại được sau 60 ngày, có xác nhận của cơ quan công an. Mất cướp toàn bộ xe nghĩa là toàn bộ xe mô tô, xe máy bị chiếm đoạt do bị người khác tấn công vũ lực, hoặc bị đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe, lái xe.

Mức chi trả:

Tùy theo thời gian sử dụng và giá trị mua mới của xe GIC trả tiền bảo hiểm như sau:

Tuổi xe	GIC chi trả cho chủ xe	Mức chi trả tối đa (triệu đồng)			
		GÓI JUNIOR	GÓI 20/20 LIGHT	GÓI 40/40 LIGHT	GÓI 70/70 LIGHT
≤ 01 năm	100% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	15	20	40	70
> 01 đến 02 năm	90% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	13.5	18	36	63
> 02 đến 03 năm	80% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	12	16	32	56
> 03 đến 04 năm	70% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	10.5	14	28	49
> 04 đến 05 năm	60% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	9	12	24	42
> 05 đến 06 năm	50% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	7.5	10	20	35
> 06 đến 07 năm	45% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	6.75	9	18	31.5
> 07 đến 08 năm	40% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	6	8	16	28
> 08 đến 09 năm	35% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	5.25	7	14	24.5
> 09 đến 10 năm	30% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	4.5	6	12	21
> 10 đến 15 năm	20% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa.	3	4	8	14

Trong đó, giá trị mua mới bằng giá mua xe mới có cùng tính năng, công suất và nhãn hiệu, chủng loại với xe được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất. Trong trường hợp xe có cùng tính năng, công suất và nhãn hiệu, chủng loại không còn được sản xuất thì giá mua mới của xe được tính bằng đúng giá mà xe đó được mua mới.

Quy tắc bảo hiểm áp dụng: Quy tắc Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ mô-tô, xe máy ban hành theo quyết định số 2046/2016/QĐ-GIC-XCG ngày 05/12/2016 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu.

D. Dịch vụ cứu hộ của GIC sẵn sàng 24/7 để hỗ trợ bạn trong những tình huống khẩn cấp trên đường (bao gồm: nhà riêng và bãi đỗ xe) tại các khu vực mà dịch vụ bao phủ.

- ✓ Vận chuyển xe miễn phí: Trường hợp xe gặp tai nạn hoặc hỏng hóc nặng, GIC sẽ vận chuyển xe đến cửa hàng sửa chữa hoặc về nhà của khách hàng. Miễn phí vận chuyển < 50 Km. Phụ thu 100.000 đồng/10km khi vận chuyển vượt quá số Km được miễn phí.
- ✓ Đổ xăng: Trường hợp xe hết xăng trên đường (không áp dụng khi xe ở nhà), GIC sẽ miễn phí công giao xăng đến cho khách hàng (binh 600ml). Khách hàng chỉ trả phí cho dung tích xăng yêu cầu cung cấp theo giá trị trường.
- ✓ Mất chìa khóa, chết máy: GIC sẽ hỗ trợ khắc phục vấn đề tạm thời để khách hàng có thể tiếp tục sử dụng xe. Nếu không thể khắc phục được, GIC sẽ cung cấp dịch vụ vận chuyển xe.
- ✓ Xi lốp: GIC sẽ sửa chữa (và tạm thời) hoặc vận chuyển đến cửa hàng sửa chữa (trong trường hợp cần thay thế).
- ✓ Lưu ý: GIC không cứu hộ cho các trường hợp có yếu tố thảm họa, khủng bố, chiến tranh, chiến sự, nổi loạn, bạo động, đình công; các trường hợp xe máy không bị hỏng; các trường hợp khách yêu cầu vận chuyển xe từ cửa hàng sửa chữa đến nơi khác; các trường hợp khách hàng có sử dụng chất kích thích, gây nghiện; các chi phí phát sinh như phí cầu, phà, đò xe...sẽ do khách hàng chi trả.

5 CÓ BẤT KỲ ĐIỂM LOẠI TRỪ NÀO KHÔNG?

A. Đối với Bảo hiểm bắt buộc Trách nhiệm dân sự của chủ xe:

Doanh nghiệp bảo hiểm không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

- Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe cơ giới, người lái xe hoặc người bị thiệt hại.
- Người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Trường hợp người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy nhưng đã thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe Cơ giới thì không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.
- Người lái xe không đủ điều kiện về độ tuổi theo quy định của Luật Giao thông đường bộ; người lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ theo quy định của pháp luật về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa hoặc sử dụng Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng tại thời điểm xảy ra tai nạn hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không phù hợp đối với xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
- Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp bao gồm: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.
- Thiệt hại đối với tài sản do lái xe điều khiển xe cơ giới mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế; sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
- Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- Thiệt hại do chiến tranh, khủng bố, động đất.

B. Đối với Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy:

- Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hành vi cố ý gây tai nạn của Người được bảo hiểm hoặc Người thừa kế hợp pháp. Trừ trường hợp trẻ em dưới 14 tuổi.
- Lái xe điều khiển xe trên đường mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc có ma túy hoặc chất kích thích mà pháp luật cấm sử dụng.
- Xe sử dụng để tập lái, đua (kể cả hợp pháp hoặc trái phép). Xe tham gia các hoạt động, sự kiện liên quan đến biểu diễn, thử xe.

- Lái xe không có Giấy phép lái xe theo quy định pháp luật hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe bắt buộc phải có Giấy phép lái xe (mô tô, xe máy có dung tích xy lanh từ 50cm³ trở lên). Lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn.
- Xe vận chuyển hàng trái phép, chở chất cháy nổ trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định pháp luật.
- Bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật.
- Ngộ độc thức ăn, uống hoặc bị ảnh hưởng do sử dụng thuốc.
- Tai nạn do tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị người đang thi hành công vụ bắt giữ, truy đuổi.

C. Đối với Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cấp toàn bộ và mất cướp toàn bộ mô tô, xe máy:

- Xe mô tô, xe máy đang có tranh chấp dân sự. Loại trừ này sẽ được bồi bổ khi tranh chấp được giải quyết xong bằng bản án hay thỏa thuận giữa các bên có tranh chấp.
- Tổn thất, thiệt hại do hành vi lừa đảo, lợi dụng lòng tin của bất kỳ người nào đối với Chủ xe.
- Hành động cố ý gây tai nạn của Chủ xe, Lái xe; hành vi gian lận, không trung thực, thông đồng với kẻ gian của Chủ xe.
- Xe mô tô, xe máy bị mất do trộm đột nhập vào nhà không có dấu hiệu đập/cạy phá; trộm sử dụng chìa khóa hoặc công cụ, thiết bị mở khóa để đột nhập hoặc tổn thất không có bằng chứng, không lý giải được, hoặc do sự bất cẩn của Chủ xe gây ra.
- Xe mô tô, xe máy bị mất cấp tại điểm trông giữ xe do lỗi của chủ xe hoặc do chủ xe bị lừa đảo, dụ dỗ.
- Xe mô tô, xe máy sử dụng để tập lái, đua (kể cả hợp pháp hoặc trái phép). Xe mô tô, xe máy tham gia các hoạt động, sự kiện liên quan đến biểu diễn, chạy thử.
- Sử dụng xe mô tô, xe máy bị tai nạn khi thực hiện các hoạt động bất hợp pháp.
- Tại thời điểm điều khiển xe gây ra tai nạn, Lái xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ theo quy định pháp luật hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe bắt buộc phải có Giấy phép lái xe.
- Lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn.
- Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.
- Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
- Xe vận chuyển hàng trái phép, chở chất cháy nổ trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định pháp luật.
- Tổn thất vô hình do giảm giá trị thị trường, hao mòn trong khi sử dụng, rỉ sét, hư hỏng bộ phận của Đối tượng được bảo hiểm trong quá trình sử dụng hoặc do sự trưng dụng, tịch thu của chính quyền hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như: nội chiến, bạo động, đình công.
- Mất cấp bộ phận xe.

6 TÀI SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỨU HỘ NHƯ THẾ NÀO?

- **Bước 1: Gọi Tổng đài cứu hộ 1900-96-96-12:** Khi gặp sự cố và cần cứu hộ, bạn hãy gọi về Tổng đài Cứu hộ 1900-96-96-12 để thông báo vị trí và đặc điểm sự cố. Tổng đài sẽ hẹn bạn thời gian tiếp cận vị trí và phương án cứu hộ.
- **Bước 2: GIC xử lý cứu hộ tại chỗ:** Nhân viên cứu hộ cận vị trí sự cố (15 - 30 phút trong giai đoạn thấp điểm) và hỗ trợ khắc phục ngay tại chỗ.
- **Bước 3: GIC chuyển xe về nền căn:** Trong trường hợp sự cố không thể khắc phục ngay tại chỗ, xe tải cứu hộ sẽ tiếp cận vị trí (30-60 phút trong giai đoạn thấp điểm) để hỗ trợ chuyển xe máy của bạn đến trung tâm sửa chữa gần nhất. Bạn sẽ phải trực tiếp làm việc với đơn vị sửa chữa này để sửa chữa các hư hỏng của xe.
- **Bước 4: Hoàn tất giấy tờ:** Cuối cùng, bạn vui lòng hoàn tất một số giấy tờ cần thiết để nhân viên cứu hộ hoàn tất quy trình phục vụ.

7 TÔI THỰC HIỆN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG NHƯ THẾ NÀO?

I. Các bước yêu cầu trả tiền bảo hiểm:

- **Bước 1: Gọi tổng đài bảo hiểm 1900 6486:** Khi phát hiện xe bị mất cắp, mất cướp hoặc xảy ra tai nạn giao thông làm phát sinh thiệt hại, hãy thông báo ngay lập tức (trong trường hợp xe bị mất cắp, mất cướp) và không quá 05 ngày (trong trường hợp xe bị tai nạn giao thông) đến Tổng đài 1900 6486 để được hướng dẫn giải quyết sự việc.
- **Bước 2: Xử lý tại chỗ:**
 - ✓ Trường hợp mất cắp, mất cướp: Thông báo cho công an địa phương nơi gần nhất.
 - ✓ Trường hợp tai nạn giao thông: Thực hiện ngay:
 - Thông báo sự việc đến Cảnh sát giao thông gần nhất.
 - Thu thập thông tin của các bên liên quan đến vụ việc và những người chứng kiến vụ việc.
 - Chụp lại hình ảnh hiện trường tai nạn.
 - Đến ngay bệnh viện/trung tâm y tế nếu bị thương.
- **Bước 3: GIC thực hiện giám định:** Nhân viên giám định của GIC sẽ tiếp cận hiện trường ngay khi nhận được thông báo và trực tiếp trao đổi với lái xe, chủ xe để xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ thiệt hại.
- **Bước 4: Chuẩn bị hồ sơ:** Khách hàng chuẩn bị Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm theo hướng dẫn của nhân viên giám định.
- **Bước 5: Gửi hồ sơ:** Ngay khi Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đã hoàn thiện, khách hàng gửi về cho GIC để được xem xét giải quyết.
- **Bước 6: GIC xử lý hồ sơ và trả kết quả:** GIC tiếp nhận và xử lý hồ sơ đã đầy đủ của khách hàng. Trong vòng 07 ngày, GIC sẽ thông báo đến khách hàng kết quả giải quyết yêu cầu trả tiền bảo hiểm.

II. Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Để có cơ sở giải quyết yêu cầu trả tiền bảo hiểm, GIC cần bạn cung cấp các giấy tờ, chứng từ sau:

- 1) **Giấy thông báo tai nạn và yêu cầu trả tiền bảo hiểm.**
- 2) **Các tài liệu liên quan đến xe và lái xe:** Bản sao có xác nhận của nhân viên GIC hoặc của cơ quan có thẩm quyền Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác của lái xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 3) **Các tài liệu liên quan đến sự kiện bảo hiểm:**
 - **Trường hợp xe bị mất cắp, mất cướp toàn bộ:**
 - ✓ Tại điểm trông giữ xe: Phiếu hoặc thẻ giữ xe, Giấy phép của điểm trông giữ xe, biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
 - ✓ Các trường hợp khác: Biên bản mất cắp, mất cướp xe có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

- **Trường hợp xe bị tai nạn:**

- ✓ Bản sao các tài liệu liên quan của cơ quan có thẩm quyền về vụ tai nạn: Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn, Sơ đồ hiện trường, bản ảnh (nếu có), Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn, Bản kết luận điều tra tai nạn của Cảnh sát giao thông (nếu có), Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).
- ✓ Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không có các tài liệu trên và thiệt hại xảy ra ước tính dưới 10 triệu đồng thì phải có các tài liệu do nhân viên được GIC chỉ định thực hiện: Biên bản xác minh vụ tai nạn, Biên bản giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại, Các tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).

4) **Các tài liệu liên quan đến thiệt hại phát sinh:**

- **Đối với thiệt hại toàn bộ xe, mất cấp, mất cướp nguyên chiếc:** Giấy chuyển quyền thụ hưởng, định đoạt tài sản, Giấy chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn trong trường hợp đòi bồi thường bên thứ ba.
 - **Đối với thiệt hại về người (của cả người đi trên xe và bên thứ ba):** Chứng từ y tế liên quan đến việc điều trị, tùy theo mức độ thiệt hại có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau: Giấy chứng thương, Giấy ra viện, Giấy chứng nhận phẫu thuật, Hồ sơ bệnh án, Hoá đơn, biên lai theo quy định của Bộ Tài chính, Bảng kê chi tiết chi phí phát sinh cho quá trình điều trị từ Bệnh viện hoặc Cơ sở y tế cung cấp việc điều trị, Giấy chứng tử và Chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trong trường hợp nạn nhân tử vong).
 - **Đối với thiệt hại tài sản của bên thứ ba:** Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra do chủ xe thực hiện tại các cơ sở GIC chỉ định hoặc được sự đồng ý của GIC; Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của GIC.
- 5) Và các giấy tờ khác theo yêu cầu của GIC theo từng trường hợp cụ thể.

8 **CÁC ĐỊNH NGHĨA MÀ TÔI CẦN BIẾT?**

1. **Tổn thất toàn bộ thực tế:** Mô tô, xe máy được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hỏng nghiêm trọng đến mức không thể sửa chữa, phục hồi lại được để đảm bảo lưu hành an toàn.
2. **Tổn thất toàn bộ ước tính:** Mô tô, xe máy được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hỏng đến mức nếu sửa chữa, phục hồi thì chi phí sửa chữa, phục hồi (thực tế và hợp lý) lớn hơn 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tai nạn.
3. **Mất cướp toàn bộ xe:** Toàn bộ xe mô tô, xe máy bị chiếm đoạt do bị người khác tấn công vũ lực, hoặc bị đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe, Lái xe.
4. **Mất cấp toàn bộ xe tại nhà:** Toàn bộ xe mô tô, xe máy bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào nhà hoặc nơi cư trú, có thực hiện các hành vi cạy phá và/hoặc tấn công bằng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe mô tô, xe máy.

5. **Mất cấp toàn bộ xe tại điểm trông giữ xe:** Toàn bộ xe mô tô, xe máy bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào điểm trông giữ xe nơi xe mô tô, xe máy đang được trông giữ, hoặc thực hiện các hành vi lừa đảo người trông giữ xe hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe mô tô, xe máy.
6. **Điểm trông giữ xe:** Là các điểm trông giữ xe của tòa nhà, bãi giữ xe công cộng có giấy phép trông giữ xe, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và có phát phiếu giữ xe hoặc thẻ giữ xe.
7. **Chủ xe:** Là chủ sở hữu mô tô, xe máy hoặc người được chủ sở hữu mô tô, xe máy giao chiếm hữu, sử dụng, điều khiển xe một cách hợp pháp.
8. **Lái xe:** Người trực tiếp điều khiển mô tô, xe máy tham gia giao thông.
9. **Người đi cùng:** Người khác ngồi trên mô tô, xe máy được đăng ký bảo hiểm và được Chủ xe hoặc Lái xe cho phép đi cùng trên xe.
10. **Người ngồi trên xe:** Bao gồm lái xe và người đi cùng.
11. **Bên thứ ba** là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:
 - Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó.
 - Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó.
 - Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.
12. **Thương tật:** Là thương tật cơ thể của Người được bảo hiểm có nguyên nhân trực tiếp và duy nhất do tai nạn, độc lập với tất cả các nguyên nhân khác.
13. **Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật toàn bộ” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành.
14. **Thương tật bộ phận:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật bộ phận” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành, bao gồm các thương tật tạm thời và thương tật vĩnh viễn.
15. **Thương tật tạm thời:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật tạm thời” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành.
16. **Thương tật vĩnh viễn:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật vĩnh viễn” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành.
17. **Chi phí y tế thực tế:** Là những chi phí hợp lý và cần thiết về mặt y tế theo chỉ định của Bác sĩ điều trị, phát sinh khi Người được bảo hiểm phải điều trị tổn thương thân thể gây ra do tai nạn.
18. **Chi phí y tế hợp lý:** Là những chi phí y tế cần thiết không vượt quá mức chi phí chung của các nhà cung cấp dịch vụ y tế có cùng mức độ trong phạm vi địa lý của Hợp đồng, nơi phát sinh những chi phí đó, khi cung cấp các dịch vụ điều trị tương đương hoặc mức độ điều trị, dịch vụ, hay việc cung cấp dịch vụ đối với thương tật tương tự.
19. **Số ngày điều trị:** Là thời gian điều trị tổn thương thân thể gây ra do tai nạn. Được xác định bởi số ngày điều trị nội trú trong bệnh viện và điều trị sau khi xuất viện. Số ngày điều trị sau khi xuất viện được xác định theo chỉ định của Bác sĩ điều trị.

9 BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT?

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn 2 mắt.....	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được.....	100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói.....	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) Hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống).....	100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay hoặc 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân.....	100%
6. Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia.....	100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn).....	100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN CHI TRÊN

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (Tháo khớp vai).....	80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống.....	75%
10. Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (Tháo khớp khuỷu).....	70%
11. Mất trọn một bàn tay hoặc toàn bộ cả 5 ngón tay.....	65%
12. Mất đồng thời cả bốn ngón tay (trừ ngón cái).....	45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ.....	40%
14. Mất 3 ngón: 3 - 4 - 5.....	32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác.....	37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác.....	32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác.....	37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa.....	32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn.....	27%
- Mất trọn ngón cái.....	22%
- Mất cả đốt ngoài.....	12%
- Mất 1/2 đốt ngoài.....	8%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn.....	22%
- Mất ngón trỏ.....	20%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	10%
- Mất đốt 3.....	9%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn).....	20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn.....	17%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	10%
- Mất đốt 3.....	5%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn.....	17%
- Mất cả ngón út.....	12%
- Mất 2 đốt 2 và 3.....	9%
- Mất đốt 3.....	5%
23. Cứng khớp bả vai.....	30%
24. Cứng khớp khuỷu tay.....	30%
25. Cứng khớp cổ tay.....	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	30%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai.....	30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai.....	40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ	25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ.....	30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	20%
43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương.....	15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....	12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....	15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%)	8-16%
60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8%
61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
62. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can gỗ, cứng vai.....	18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gỗ, cứng vai.....	25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai.....	35%
66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật.....	10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật.....	15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật.....	17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật	22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật	30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật.....	40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%).....	3-12%

CHI DƯỚI

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

73. Mất 1 chân từ háng xuống (Tháo khớp háng 1 đùi)	80%
74. Cắt cụt một đùi	
- 1/3 trên	75%
- 1/3 giữa hoặc dưới	65%
75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (Tháo khớp gối)	65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	60%
77. Mất xương sên	37%
78. Mất xương gót	40%
79. Mất đoạn xương chày, mắc gậy khớp giả cẳng chân	40%
80. Mất đoạn xương mác	25%
81. Mất mắt cá chân:	
- Mắt cá ngoài	12%
- Mắt cá trong	17%
82. Mất cả 5 ngón chân	50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái	42%
84. Mất bốn ngón trừ ngón cái	40%
85. Mất ba ngón 3 – 4 – 5	27%
86. Mất ba ngón 1 – 2 – 3	32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2	22%
88. Mất 1 ngón cái	17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái	12%
90. Mất 1 đốt ngón cái	10%
91. Cứng khớp hông	50%
92. Cứng khớp gối	35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- Ít nhất 5 cm	42%
- Từ 3 đến 5 cm	37%
95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	40%
96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	30%

THƯƠNG TẬT TAM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	20%
98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	45%
106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%
109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	18%

114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật.....	15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật.....	25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật.....	10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật.....	20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt.....	15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối.....	25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật.....	10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật.....	20%
123. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu.....	25%
124. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu.....	25%
125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gối chân tốt.....	15%
126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gối bị hạn chế.....	20%
127. Gãy xương đốt bàn tay (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%).....	7-15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật.....	15%
129. Gãy xương gót, có phẫu thuật.....	20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%).....	4-12%
131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo.....	25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo.....	32%
133. Gãy ụ ngồi.....	25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình.....	20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình.....	30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu.....	40%
137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ.....	55%
138. Gãy xương cụt, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	10%
139. Gãy xương cụt, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	15%
140. Gãy xương cụt, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	25%
141. Gãy xương cụt, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	35%

CỘT SỐNG

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của một đốt sống.....	35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 – 3 đốt sống trở lên.....	50%

THƯƠNG TẬT TAM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy.....	30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy.....	40%
146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy.....	50%
147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật.....	10%
148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật.....	17%
149. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2-3 đốt sống, không phẫu thuật.....	25%
150. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2-3 đốt sống, có phẫu thuật.....	45%

SỌ NÃO

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6cm.....	30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10cm.....	50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10cm.....	60%
154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:	
- Nói ngọng, nói lắp nói khó khăn có ảnh hưởng đến giao tiếp.....	35%
- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca.....	65%
- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke.....	60%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ).....	50%
156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn.....	45%
157. Vết thương sọ não hở, lún xương sọ.....	45%
158. Vết thương sọ não hở, nhiều mảnh xương đi sâu vào não.....	55%
159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật.....	20%
160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật.....	30%
161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật.....	30%
162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật.....	40%
163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật.....	40%
164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật.....	50%
165. Chấn thương sọ não gây chấn động não.....	15%
166. Chấn thương sọ não gây phù não.....	50%
167. Chấn thương sọ não gây dập não, dẹt não.....	55%
168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện.....	50%
169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não).....	40%

LỒNG NGỰC

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

170. Cắt bỏ 1 – 2 xương sườn.....	17%
171. Cắt bỏ từ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%).....	25%
172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm 3%).....	8%
173. Cắt toàn bộ một bên phổi.....	75%
174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%.....	70%
175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên.....	55%
176. Cắt 1 thùy phổi.....	40%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1-2 xương sườn, không phẫu thuật.....	7%
178. Gãy 1-2 xương sườn, có phẫu thuật.....	12%
179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật.....	15%
180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật.....	25%
181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường).....	15%
182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường).....	25%
183. Mè hoặc rạn nứt xương ức.....	12%
184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần).....	8%
185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu).....	25%
186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chứa suy tim).....	55%
187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế.....	65%
188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt.....	40%

BỤNG

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày.....	80%
190. Cắt đoạn dạ dày.....	55%
191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m).....	80%

192. Cắt đoạn ruột non.....	45%
193. Cắt toàn bộ đại tràng.....	80%
194. Cắt đoạn đại tràng.....	55%
195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần.....	75%
196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần.....	65%
197. Cắt ½ của một thùy gan.....	60%
198. Cắt 1/3 của một thùy gan.....	40%
199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan.....	30%
200. Cắt bỏ túi mật.....	50%
201. Cắt bỏ lá lách.....	45%
202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách.....	65%

THƯƠNG TẬT TAM THỜI

203. Khâu lỗ thủng dạ dày.....	30%
204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
206. Đụng dập gan, khâu gan.....	40%
207. Khâu vỡ lách.....	25%
208. Khâu tụy.....	32%

CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường.....	55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý.....	75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải.....	35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa có con.....	75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi.....	60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi.....	40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa có con.....	65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con.....	35%
217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người trên 45 tuổi.....	27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên.....	25%
219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên.....	50%
220. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên.....	17%
221. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên.....	35%
222. Cắt 1 phần bàng quang.....	30%

THƯƠNG TẬT TAM THỜI

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày).....	6%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày).....	12%
225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa).....	50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn.....	75%
227. Khâu thủng lỗ bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng).....	32%

MẮT

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả.....	60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả.....	55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10.....	37%
231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10.....	15%
232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10.....	10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù một mắt rồi.....	90%

TAI - MŨI - HỌNG

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được	80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1-2m còn nghe)	40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2-4m còn nghe)	20%
238. Điếc 1 tai, hoàn toàn không phục hồi được	35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa	15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ	8%
241. Mất vành tai 2 bên	30%
242. Mất vành tai 1 bên	15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20%
244. Mất mũi hoàn toàn	40%
245. Biến dạng mũi	18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	30%

RĂNG - HÀM - MẶT

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống khác bên ...	85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống cùng bên...	75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cành cao trở xuống.....	40%
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả.....	35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả.....	25%
254. Mất từ 5 đến 7 răng	20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng	10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng	4%
257. Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra).....	80%
258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi.....	55%
259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm.....	10%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt.....	20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt.....	25%
263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	30%
264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó.....	35%
265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai.....	20%

VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM - BÔNG

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2cm gây rách da, rách niêm mạc ... không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:	
- Từ 2cm – 4cm	2%
- Từ 4cm – 7cm	3%
- Từ 7cm – 10cm	4%
- Từ 10cm – 15cm	5%
- Trên 15cm.....	7%

267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:	
- Dưới 9cm ²	2%
- Từ 9cm ² đến 12cm ²	3%
- Từ 12cm ² đến 16cm ²	4%
- Từ 16cm ² đến 24cm ²	6%
- Từ 24cm ² đến 30cm ²	8%
- Từ 30cm ² đến 35cm ²	10%
- Trên 35cm ²	12%
(Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)	
268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai.....	4%
269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân.....	2%
270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai.....	7%
271. Bỏng nông (độ I, độ II):	
- Diện tích dưới 5%.....	4%
- Diện tích từ 5% đến 15%.....	12%
- Diện tích trên 15%.....	20%
272. Bỏng sâu (độ III, độ IV):	
- Diện tích dưới 5%.....	22%
- Diện tích từ 5% đến 15%.....	40%
- Diện tích trên 15%.....	70%

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

273. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỉ lệ tương ứng ở trên	
274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
278. Mất một phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng.....	25%

NGUYÊN TẮC TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc trả tiền theo bảng này tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Trường hợp có nhiều thương tật, tiền bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không được vượt quá tỉ lệ mất chi đó.
4. Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% của tỉ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.

10 MẪU GIẤY THÔNG BÁO TAI NẠN VÀ YÊU CẦU TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

(Lưu ý quan trọng: Người kê khai phải đọc và hiểu rõ những yêu cầu trước khi kê khai. Bảo Hiểm Toàn Cầu có thể từ chối toàn bộ hoặc giảm số tiền bảo hiểm nếu nhận được nội dung kê khai không đúng sự thật).

I. THÔNG TIN CHUNG

Chủ xe: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____		Lái xe: _____ Năm sinh: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____	
Biển số xe _____	Hiệu xe _____	Mô tô/ Xe máy _____	Năm sản xuất _____
Giấy tờ xe	Số (hạng)	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
1. Giấy chứng nhận bảo hiểm 2. Giấy phép lái xe (Lái xe)	_____ _____	____/____/____ ____/____/____	____/____/____ ____/____/____

II. THÔNG TIN TAI NẠN/MẮT CẤP/MẮT CƯỚP

- Thời gian xảy ra vụ tai nạn/mắt cấp/mắt cướp (cụ thể ngày, giờ):

- Địa điểm xảy ra vụ tai nạn/mắt cấp/mắt cướp (yêu cầu chính xác):

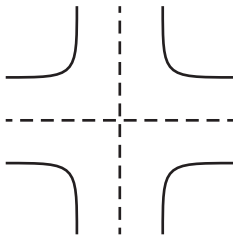
- Công an thụ lý vụ tai nạn/mắt cấp/mắt cướp:

- Hình thức thông báo khi xảy ra tai nạn:

Hotline Trực tiếp tại Văn phòng GIC

- Diễn biến và nguyên nhân vụ tai nạn/mắt cấp/ mắt cướp**
(mô tả cụ thể tình huống khi xảy ra vụ việc):

- Người chứng kiến vụ tai nạn/mắt cấp/mắt cướp**
(họ tên, địa chỉ, số điện thoại):



• **Hậu quả tai nạn:**

1. Trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba:

• **Về người** (họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, thương tích, nơi điều trị): _____

• **Về tài sản** (ghi rõ số xe, nơi tham gia bảo hiểm, số GCNBH):

2. Vật chất xe (nơi lưu giữ): _____

3. Lái xe và người ngồi trên xe (ghi rõ họ tên, địa chỉ, nơi điều trị): _____

Ước tổn thất:

III. YÊU CẦU GIẢI QUYẾT TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Cam đoan: Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật theo sự hiểu biết của tôi. Nếu có gì sai trái tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày ___/___/____

Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ___/___/____

Xác nhận của CQCA, Chính quyền địa phương nơi tai nạn hoặc Đơn vị chủ quản.

Tiếp nhận thông báo vào lúc ___ giờ ___ phút, ngày ___/___/____

Nhân viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nếu có bất kỳ thắc mắc nào về chương trình, vui lòng liên hệ Tổng đài Tư vấn miễn cước **1800-6786** (9:00 đến 21:00 các ngày trong tuần) hoặc qua email **chamsockhachhang@gic.com.vn**.

Bằng việc đăng ký và thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ theo quy định, Bên mua bảo hiểm xác nhận đã được giải thích về các Quy tắc bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cũng xác nhận rằng mình hiểu rõ và đồng ý với điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm này.

CẢM ƠN BẠN ĐÃ TIN DÙNG GIC!
GIC CHÚC BẠN LUÔN CÓ NHỮNG HÀNH TRÌNH AN TOÀN!



Gói Dịch vụ GIC EASY XE MÁY của **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)** là dòng sản phẩm bảo hiểm đầu tiên tại thị trường Việt Nam, tích hợp đầy đủ các quyền lợi nổi trội như:

- ✓ **Cứu hộ 24/7** trên 56 tỉnh/thành,
- ✓ Hỗ trợ lên đến **40 triệu đồng** khi lái xe và người đi cùng bị thương do tai nạn,
- ✓ Hỗ trợ lên đến **70 triệu đồng** khi xe bị mất cắp hoặc hư hỏng toàn bộ,
- ✓ Hỗ trợ thực hiện trách nhiệm bồi thường cho các thiệt hại về người và tài sản mà xe gây ra.

VÌ SAO BẠN NÊN CHỌN GIC?

Thành lập
vào năm
2006

Là doanh nghiệp có **nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường**, GIC tập trung 4 mảng bảo hiểm chính: Sức khỏe, Xe cơ giới, Tài sản, Hàng hóa vận chuyển.

3.5
triệu +
khách hàng

GIC tự hào đã và đang cung ứng đa dạng các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cho hơn **3.5 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp** tại Việt Nam trong suốt hơn **18 năm qua**.

Mạng lưới
60
tỉnh thành

Mạng lưới trải rộng trên 60 tỉnh thành với **25 Công ty thành viên** và hơn **60 Phòng kinh doanh**.

CẨM NANG ÁP DỤNG CHO CÁC GÓI DỊCH VỤ

GIC EASY 20/20 LIGHT, 40/40 LIGHT, 70/70 LIGHT, JUNIOR, BASIC



BẢO HIỂM TOÀN CẦU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU

Tầng 16, Tòa nhà Nam Á, Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng 8,
Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 39 293 555 **Fax:** (028) 39 293 666